

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO DULICA VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO DULICA VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DULICA VIETNAM HIGH TECHNOLOGY AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DULICA COMPANY

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109414217

**3. Ngày thành lập:** 12/11/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Xóm Ô, thôn Ngọc Phan, Xã Ngọc Mỹ, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                       | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Trồng lúa                                                                       | 0111        |
| 2.  | Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác                                         | 0112        |
| 3.  | Trồng cây lấy củ có chất bột                                                    | 0113        |
| 4.  | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa                                            | 0118(Chính) |
| 5.  | Trồng cây hàng năm khác                                                         | 0119        |
| 6.  | Trồng cây ăn quả                                                                | 0121        |
| 7.  | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm                         | 0128        |
| 8.  | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                                             | 0131        |
| 9.  | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm                                              | 0132        |
| 10. | Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn                                             | 0145        |
| 11. | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                                                   | 0150        |
| 12. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                    | 0161        |
| 13. | Hoạt động dịch vụ chăn nuôi                                                     | 0162        |
| 14. | Xử lý hạt giống để nhân giống                                                   | 0164        |
| 15. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp | 7214        |
| 16. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                 | 1010        |
| 17. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                         | 1020        |
| 18. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                    | 1030        |
| 19. | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                             | 1050        |
| 20. | Xay xát và sản xuất bột thô                                                     | 1061        |
| 21. | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                   | 1062        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 22. | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự                                                                                                                            | 1074 |
| 23. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                   | 1075 |
| 24. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                          | 1079 |
| 25. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                  | 4620 |
| 26. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                      | 4632 |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các loại mặt hàng công ty kinh doanh                                | 8299 |
| 28. | Chăn nuôi gia cầm                                                                                                                                                       | 0146 |
| 29. | Chăn nuôi khác                                                                                                                                                          | 0149 |
| 30. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa;<br>- Môi giới mua bán hàng hóa.                                                                  | 4610 |
| 31. | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp                                                                                                                  | 0210 |
| 32. | Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp                                                                                                                                            | 0240 |
| 33. | Khai thác lâm sản khác trừ gỗ                                                                                                                                           | 0231 |
| 34. | Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ                                                                                                                                            | 0232 |
| 35. | Khai thác gỗ                                                                                                                                                            | 0220 |
| 36. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                          | 1610 |
| 37. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                       | 1621 |
| 38. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                | 1629 |
| 39. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                 | 1622 |
| 40. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                 | 1623 |
| 41. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                           | 3100 |
| 42. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                      | 4649 |
| 43. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 44. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                     | 4784 |
| 45. | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                                                                                                                   | 9524 |
| 46. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                | 7410 |
| 47. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                          | 4330 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 1.000.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông           | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức            | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN TRUNG KIÊN     | Xóm Ô, thôn Ngọc Than, Xã Ngọc Mỹ, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                   | Cổ phần phổ thông         | 48.000     | 480.000.000           | 48,000    | 001086021925                                                                                |         |
|     |                       |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                                 | Tổng số                   | 48.000     | 480.000.000           | 48,000    |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                                 |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG | Căn 2834, Chung cư HH4B Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 42.000     | 420.000.000           | 42,000    | 030186010938                                                                                |         |
|     |                       |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                                 | Tổng số                   | 42.000     | 420.000.000           | 42,000    |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                                 |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                               |                           |        |             |        |              |
|---|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 3 | NGUYỄN THU HẰNG | Xóm Ô, thôn Ngọc Phan, Xã Ngọc Mỹ, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 10.000 | 100.000.000 | 10,000 | 001188029022 |
|   |                 |                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                               | Tổng số                   | 10.000 | 100.000.000 | 10,000 |              |
|   |                 |                                                                               |                           |        |             |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN TRUNG KIÊN

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 26/05/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001086021925

Ngày cấp: 21/12/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát đkql cư trú và dlqg về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Ô, thôn Ngọc Than, Xã Ngọc Mỹ, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Căn 2834, Chung cư HH4B Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội